

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯƠNG MỸ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **561/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-12-2020

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày **24** tháng **12** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 459/2020/HNGĐ-ST ngày 23/10/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐHPTST-HNGĐ ngày 16/12/2020 giữa các đương sự:

\* ***Nguyên đơn:*** Chị BLH, sinh năm 1981.

HKTT và cư trú: xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

\* ***Bị đơn:*** Anh NGM, sinh năm 1972.

HKTT và cư trú: xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: *Chị BLH có đơn xin vắng mặt; anh NGM vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị BLH trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị BLH và anh NGM kết hôn năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh M tại xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018, chị H đã dọn về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến

ai. Nay chị H xác định tình cảm không còn nên chị xin ly hôn với anh M để cả 02 ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu NLN, sinh ngày 08/10/2000, cháu NGT, sinh ngày 22/4/2008. Cháu NLN đã trưởng thành, không bị khuyết tật về thể chất và tinh thần, đã có thể đi làm nuôi sống bản thân nên chị H không yêu cầu giải quyết. Ly hôn chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, nếu được nuôi con chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng 7 triệu/tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T.

*Về tài sản chung, công nợ chung, công sức:* Vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu giải quyết.

*\* Bị đơn – Anh NGM đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.*

*\* Tại Biên bản ghi lời khai ngày 25/11/2020, bà LTL là mẹ anh NGM trình bày:*

*Về hôn nhân:* Bà L thừa nhận quá trình kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị H trình bày. Bà L thừa nhận có thấy vợ chồng chị H, anh M to tiếng, cãi vã, xô xát với nhau. Bà L thừa nhận vợ chồng anh M, chị H hiện đang ly thân và đã ly thân được một thời gian. Nay chị H xin ly hôn với anh M thì Bà L mong muốn vợ chồng chị H, anh M đoàn tụ vì cả 02 đều đã nhiều tuổi, cháu thứ 02 là cháu T còn đang ăn học.

*Về con chung:* Bà L thừa nhận anh M và chị H có 02 con chung là cháu NLN, sinh ngày 08/10/2000, cháu NGT, sinh ngày 22/4/2008. Trong trường hợp anh M và chị H ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

*Về tài sản chung, công nợ chung, công sức:* Bà thừa nhận anh M và chị H không có tài sản chung.

*\* Tại Đơn trình bày nguyện vọng, cháu NGT có nguyện vọng được ở cùng chị H (mẹ đẻ).*

*Tại phiên tòa:* Chị BLH có đơn xin xét xử vắng mặt; anh NGM vắng mặt không có lý do.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự: chị BLH chấp hành đúng qui định của pháp luật và đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh NGM chưa chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho chị BLH được ly hôn anh NGM; *Về con chung:* Đề nghị giao cháu NGT cho chị H chăm sóc,

nuôi dưỡng; *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Chi BLH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Anh NGM hiện cư trú tại xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

*Về sự vắng mặt của chị BLH và anh NGM:* Chị BLH đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh NGM đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do và không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh NGM.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị BLH và anh NGM kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị H và anh M là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị H thì giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mẹ đẻ anh M là bà LTL thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và hiện đã ly thân.

Xét thấy: Chị BLH và anh NGM đã ly thân một thời gian tương đối dài, việc mâu thuẫn vợ chồng được bà LTL (mẹ anh M) thừa nhận. Trong thời gian ly thân, giữa chị H và anh M không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị BLH và cho chị BLH được ly hôn anh NGM để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị BLH và anh NGM có 02 con chung là cháu NLN, sinh ngày 08/10/2000, cháu NGT, sinh ngày 22/4/2008. Ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cháu T, không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cháu N đã trưởng thành, không bị khuyết tật về thể chất và tinh thần, đã có thể tự đi làm nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy chị H có nguyện vọng và có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu T và cháu T cũng có nguyện vọng được ở cùng chị H. Xét nguyện vọng của chị H là chính đáng, cháu T còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu T cho chị H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác.

Anh NGM có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị BLH không yêu cầu anh NGM cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh M cho đến khi có quyết định khác.

[2.4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị BLH không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trong trường hợp anh NGM có yêu cầu về tài sản chung, công sức, công nợ sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.5] Về án phí: Chị BLH phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị BLH được ly hôn anh NGM.

2. Về con chung: Chị BLH và anh NGM có 02 con chung là cháu NLN, sinh ngày 08/10/2000, cháu NGT, sinh ngày 22/4/2008.

Giao cháu NGT cho chị H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu NGT đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác.

Anh NGM có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị BLH không yêu cầu anh NGM cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh M cho đến khi có quyết định khác.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị BLH phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị BLH đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0010206 ngày 22 tháng 10 năm 2020*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị BLH và anh NGM có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hoàng Long**